

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để
giao đất có thu tiền sử dụng tại Tổ dân phố 6, Tổ dân phố 7
và thôn 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01
năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết
thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày
15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09
tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị
định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền
thuê đất, thuê mặt nước.*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất;
xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày
26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về sửa đổi, bổ sung
một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm
2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê*

mặt nước; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 5347/STC-QLGCS ngày 31 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 24 lô đất tại Tổ dân phố 6, Tổ dân phố 7 và thôn 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND: CVP, PCVP_{KSX};
- Lưu: VT, KTTH, HTKT, NNTN.TDL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

PHỤ LỤC

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Ngọc Hồi*(Kèm theo Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Khu đấu giá, lô đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Giá đất theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh		Giá đất theo Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh		Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất		
					Giá đất (đồng/m ²)	Giá trị thửa đất (đồng/thửa)	Hệ số điều chỉnh (lần)	Giá trị thửa đất (đồng/thửa)	Giá đất (đồng/m ²)	Giá trị thửa đất (đồng/thửa)	Hệ số điều chỉnh (lần)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7 = 5*6)	(8)	(9=5*6*8)	(10)	(11= 5*10)	(12= 10/6)
I	Đường Quy hoạch (mới) - Khu Bệnh viện cũ										
1	Lô số 1	1	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
2	Lô số 2	2	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
3	Lô số 3	3	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
4	Lô số 4	4	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
5	Lô số 5	5	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
6	Lô số 6	6	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
7	Lô số 7	7	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
8	Lô số 8	8	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
9	Lô số 9	9	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
10	Lô số 10	10	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24
11	Lô số 11	11	64	366,5	280.000	102.620.000	1,35	138.537.000	1.748.000	640.642.000	6,24
12	Lô số 12	12	64	182,0	280.000	50.960.000	1,35	68.796.000	1.748.000	318.136.000	6,24

STT	Khu đấu giá, lô đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Giá đất theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh		Giá đất theo Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh		Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất		
					Giá đất (đồng/m ²)	Giá trị thửa đất (đồng/thửa)	Hệ số điều chỉnh (lần)	Giá trị thửa đất (đồng/thửa)	Giá đất (đồng/m ²)	Giá trị thửa đất (đồng/thửa)	Hệ số điều chỉnh (lần)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7 = 5*6)	(8)	(9=5*6*8)	(10)	(11= 5*10)	(12= 10/6)
II	Đường Nguyễn Huệ đoạn từ đường Trần Hưng Đạo - Hết ranh giới thị trấn										
13	Lô số 13 (lô góc)	13	64	263,2	460.000	121.072.000	1,45	175.554.400	1.840.000	484.288.000	4,00
14	Lô số 14	14	64	175,0	460.000	80.500.000	1,45	116.725.000	1.748.000	305.900.000	3,80
15	Lô số 15	15	64	175,0	460.000	80.500.000	1,45	116.725.000	1.748.000	305.900.000	3,80
16	Lô số 16	16	64	175,0	460.000	80.500.000	1,45	116.725.000	1.748.000	305.900.000	3,80
17	Lô số 17	17	64	254,0	460.000	116.840.000	1,45	169.418.000	1.748.000	443.992.000	3,80
18	Lô số 18 (lô góc)	18	64	231,0	460.000	106.260.000	1,45	154.077.000	1.840.000	425.040.000	4,00
19	Lô số 19	19	64	211,0	460.000	97.060.000	1,45	140.737.000	1.748.000	368.828.000	3,80
20	Lô số 20	20	64	186,6	460.000	85.836.000	1,45	124.462.200	1.748.000	326.176.800	3,80
21	Lô số 21	21	64	173,7	460.000	79.902.000	1,45	115.857.900	1.748.000	303.627.600	3,80
III	Đường Tô Vĩnh Diện đoạn từ đường Hùng Vương - Nguyễn Thị Minh Khai										
22	Lô đất đường Nguyễn Trung Trực - Tô Vĩnh Diện	136	41	136,6	600.000	81.960.000	1,22	99.991.200	2.280.000	311.448.000	3,80

STT	Khu đấu giá, lô đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Giá đất theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh		Giá đất theo Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh		Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất		
					Giá đất (đồng/m ²)	Giá trị thửa đất (đồng/thửa)	Hệ số điều chỉnh (lần)	Giá trị thửa đất (đồng/thửa)	Giá đất (đồng/m ²)	Giá trị thửa đất (đồng/thửa)	Hệ số điều chỉnh (lần)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7 = 5*6)	(8)	(9=5*6*8)	(10)	(11= 5*10)	(12= 10/6)
IV	Đường QH (đường bao phía Tây) - Các đường trong khu đấu giá và tái định cư (Trung tâm hành chính)										
23	Lô đất đường quy hoạch trung tâm hành chính (Khu dân cư mới)	320	5	175,3	450.000	78.885.000	1,00	78.885.000	1.800.000	315.540.000	4,00
24	Lô đất Mở rộng khu dân cư trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi	238	96	232,2	450.000	104.490.000	1,00	104.490.000	1.710.000	397.062.000	3,80
	Tổng			4.757,1		1.776.985.000		2.408.940.700		8.433.840.400	

(Tám tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm đồng)